TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2019/HS-ST
Ngày 28-11-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đậu Thị Thanh Trúc

2. Ông Nguyễn Văn Thức

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngụy Thế Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2019/TLST-HS ngày 15/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HS ngày 15/11/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Thị Đ**, sinh ngày 10/02/1970, tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn Bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo:Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn L (đã chết) và bà Phan Thị T (đã chết); chồng tên Hoàng Đình H (đã chết); bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/10/2019 đến ngày 14/10/2019. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà H'N, sinh năm 1974; trú tại: Buôn Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

2. Ông Nông Văn H, sinh năm 1970; trú tại: Thôn A, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1958; trú tại: Tổ dân phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

4. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1983; trú tại: Tổ dân phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1968; trú tại: Tổ dân phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/5/2019 Võ Thị Đ, sinh năm 1970, trú tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk hợp đồng thuê căn nhà số 1020 đường H, TDP X, phường T, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk của chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1983, trú tại TDP X, phường T, thị xã B (nhà này do bà Vũ Thị L, sinh năm 1958 chủ sở hữu, giao cho chị H con dâu quản lý, sử dụng) để ở và bán quán nhậu, hát Karaoke lấy tên quán ăn "M". Trong quá trình kinh doanh Đồng quen biết và có số điện thoại của gái bán dâm H' N(thường gọi là Q), sinh năm 1974, trú tại Buôn D, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do đó hai bên thỏa thuận khi nào có khách đến quán nhậu có nhu cầu mua dâm thì điện thoại cho H' N đến để bán dâm và thỏa thuận mỗi lần bán dâm là 200.000 đồng, Đ được hưởng tiền phòng 50.000 đồng và H' N được hưởng 150.000 đồng. Trong thời gian này, Nông Văn H, sinh năm 1970, trú tại thôn A, xã E, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk hay đến quán nhậu và hát karaoke rồi đặt vấn đề với Đ khi nào có gái bán dâm thì điện thoại cho H đến để mua dâm (H đã đưa số điện thoại của mình cho Đ). Khoảng 08 giờ, ngày 6/10/2019, Đ sử dụng số điện thoại "0383990195" của mình gọi cho H' N đến quán để hát Karaoke và bán dâm cho khách, H' N đồng ý và đi đến quán; sau đó Đ gọi điện thoại cho H đến để mua dâm. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H đi đến quán thấy H' N và Đ đang ngồi nói chuyện thì H nói Đ đem bia và mồi ra để nhậu với H' N tại phòng hát Karaoke, tại đây H đặt vấn đề với Đ và H' N để mua dâm với H' N thì Đ và H' N đều đồng ý. Sau đó H hỏi giá bao nhiêu một lần mua dâm, thì Đ nói 200.000 đồng, H đồng ý và đưa 500.000 đồng cho Đ, trong đó trả tiền

nhậu 150.000 đồng, trả tiền mua dâm 200.000 đồng, còn lại 150.000 đồng Đ trả lại cho H. Khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, H và H' N đi ra phòng tắm phía sau của quán để thực hiện hành vi mua bán dâm, khi H và H' N đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại phòng tắm, thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang và tạm giữ Đ.

Vật chứng vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B thu giữ khi bắt quả tang bao gồm: Thu của Võ Thị Đ số tiền 200.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei: 356902/08/079094/9, bên trong máy có gắn sim số 0383990195 và thu của H' N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh - đen; số imei 1: 355314102501166, số imei 2: 355314103016164, bên trong máy gắn sim số 0357014088.

Bản cáo trạng số 62/CT-VKSBH ngày 14/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ truy tố bị cáo Võ Thị Đ về tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo Võ Thị Đ đủ yếu tố cấu thành tội "*Chứa mại dâm"*. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thị Đ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng như quyết định truy tố của cáo trạng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì và nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố bị cáo về tội "Chứa mại dâm".

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều khai nhận tội đúng như nội dung bản cáo trạng. Xét lời khai của bị cáo đều phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 06/10/2019, Võ Thị Đ đã dùng phòng tắm nhà ở do mình thuê quản lý, sử dụng bố trí cho H’ N mua bán dâm với Nông Văn H để thu lợi bất chính.

Vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yêu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào chứa mại dâm thì phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”

[3] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng, đạo đức xã hội mà còn xâm phạm đến đời sống văn hóa, thuần phong mỹ tục của nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, số tiền thu lợi bất chính đã được giao nộp trong quá trình điều tra, bản thân bị cáo là phụ nữ, điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình được Ủy ban nhân dân xã C xác nhận vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất vụ án, vai trò hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng hình phạt tù có điều kiện là phù hợp Nghị

quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, nghề nghiệp thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 200.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei: 356902/08/079094/9, bên trong máy có gắn sim số 0383990195 và thu của H' N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh - đen; số imei 1: 355314102501166, số imei 2: 355314103016164, bên trong máy gắn sim số 0357014088, đây là số tiền thu lợi bất chính và công cụ, phương tiện dùng để phạm tội, nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với phòng tắm của căn nhà số 1020 H, tổ dân phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo sử dụng là địa điểm chứa mại dâm. Nhà này do bà Vũ Thị L làm chủ sở hữu giao cho con dâu Trần Thị Thu H quản lý, sử dụng, việc bị cáo Đ sử dụng làm địa điểm phạm tội, bà L, chị H không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Võ Thị Đ** phạm tội "Chứa mại dâm".

[1] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Võ Thị Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/11/2019). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về xử lý vật chứng: *Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.*

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền số tiền 200.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei: 356902/08/079094/9, bên trong máy có gắn sim số 0383990195 và thu của H' N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh - đen; số imei 1: 355314102501166, số imei 2: 355314103016164, bên trong máy gắn sim số 0357014088, đây là số tiền thu lợi bất chính và công cụ, phương tiện dùng để phạm tội.

[3] Về án phí: *Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Bị cáo Võ Thị Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- Bị cáo; đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn